

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2023**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TCKH ngày tháng 10 năm 2023 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023	Thanh toán vốn kế hoạch năm			Ty lệ giải ngân	Còn lại
			Tổng số	Trong đó			
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1	2	3	4=5+6	5	6	7=4/3	8=3-4
	TỔNG SỐ	140.391	42.971	34.590	8.381	30,6%	97.421
A	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	102.812	32.842	28.151	4.691	31,9%	69.971
I	Nguồn vốn Ngân sách địa phương (Tỉnh quản lý)	2.300	-	-	-	0,0%	2.300
1.1	Nguồn ngân sách nhà nước tính bổ sung	766				0,0%	766
a	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2022</i>						
1	1 San gạt mặt bằng tạo quỹ đất phía tây nam thị xã Lai Châu	766	510	510		66,6%	256
1.2	Nguồn dự dự toán vốn đầu tư năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023	1.534				0,0%	1.534
a	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2022</i>						
II-7	1 Khu Lâm viên thành phố Lai Châu	1.534				0,0%	1.534
II	Nguồn vốn Ngân sách địa phương (Thành phố quản lý)	100.512	32.842	28.151	4.691	32,7%	67.671
2.1	Nguồn vốn thu sử dụng đất	51.500	3.309	2.799	510	6,4%	48.191
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</i>						-
2	1 Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải xã Sùng Phài	19.700				0%	19.700
3	2 Nâng cấp tuyến đường từ ngã 5 bản Cù nhà La đến khu đội 5 giao với Đại Lộ Lê Lợi	3.800	2.209	1.781	428	58%	1.591
b	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>						-
4	3 Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17 phường Quyết Thắng	28.000	1.100	1.018	82	4%	26.900

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023	Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tỷ lệ giải ngân	Còn lại	
			Tổng số	Trong đó				
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
2.2	Nguồn vốn thu sử dụng đất năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023	17.507	980	980	-	6%	16.527	
	<i>a</i>							
5	1	Nhà lớp học Trường THCS Đông Phong	733	-			0%	733
6	2	Trụ sở phường Đoàn Kết	679	-			0%	679
7	3	Khu Lâm viên thành phố Lai Châu	3.750	-			0%	3.750
	<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>		-				
II-3	4	Nâng cấp tuyến đường từ ngã 5 bản Cư nhà La đến khu đội 5 giao với Đại Lộ Lê Lợi	2.355	-			0%	2.355
II-4	5	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17 phường Quyết Thắng	9.990	980	980		10%	9.010
2.3		Nguồn vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	20.766	18.933	14.977	3.956	91%	1.834
	<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022</i>						-
8	1	Điểm trường mầm non - tiểu học bản Sùng Phài, xã Sùng Phài	672	465	465		69%	208
	<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</i>						-
9	2	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Sùng Phài	3.798	2.174	2.174		57%	1.624
	<i>c</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>						-
10	3	Trạm y tế San Thàng	3.596	3.595	2.934	661	100%	1
11	4	Nhà lớp học và nhà hiệu bộ trường tiểu học Kim Đồng	8.300	8.299	5.837	2.462	100%	1
12	5	Nhà lớp học bộ môn trường THCS Quyết Tiến	4.400	4.400	3.567	833	100%	-

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023	Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tỷ lệ giải ngân	Còn lại
			Tổng số	Trong đó			
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
2.4	Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung	10.739	10.600	10.375	225	99%	139
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>						-
13	1 Đường giao thông vùng chè xã Sùng Phài, Sơn Thành	4.363	4.224	3.999	225	97%	139
14	2 Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi xã Sùng Phài	6.376	6.376	6.376		100%	-
B	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	37.579	10.129	6.439	3.690	27,0%	27.450
I	Nguồn vốn ngân sách trung ương (tỉnh quản lý)	30.000	6.338	3.446	2.892	21,1%	23.662
1.1	Nguồn vốn Chương trình mở rộng vệ sinh và nước sạch nông thôn	30.000	6.338	3.446	2.892	21,1%	23.662
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>						-
15	1 Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	30.000	6.338	3.446	2.892	21,1%	23.662
III	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (thành phố quản lý)	1.959	173	2	171	8,8%	1.786
1.1	Nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.959	173	2	171	8,8%	1.786
a	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023</i>						-
16	1 Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải, xã Sùng Phài, TP Lai Châu	1.959	173	2	171	8,8%	1.786
III	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (xã quản lý)	5.620	3.618	2.991	627	64,4%	2.002
1.1	Nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.376	1.049	1.049	-	44,1%	1.327
a	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>						-
17	1 Nâng cấp NSH đến các hộ bản Tả Chải, Trung Chải	1.049	1049,00	1.049		100,0%	-
18	2 Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chải	1.327				0,0%	1.327
1.2	Nguồn ngân sách trung ương thực hiện CT MTQG xây dựng NTM	3.244	2.569	1.942	627	79,2%	675

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023	Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tỷ lệ giải ngân	Còn lại	
			Tổng số	Trong đó				
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
	<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</i>					-	
19	3	Đường giao thông nội đồng bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài	40			0,0%	40	
20	4	Đường giao thông nội đồng bản Cẩng Đấng, xã San Thàng	811	811	811	100,0%	-	
	<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>					-	
21	5	Đường giao thông nội đồng bản Sin Chải, xã Sùng Phài	2.393	1758	1.131	627	73,5%	635

THÔNG BÁO CÔNG KHAI TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TCKH ngày: tháng 10 năm 2023 của UBND thành phố Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt	Vốn đã giải ngân	Vốn còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Chênh lệch		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương	Số đề nghị quyết toán với giá trị quyết toán	Số giải ngân so với giá trị quyết toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6-7	12=8-7	12
	Tổng số	4	24.301	-	23.988	23.937	23.760	207	-	51	-177	
1	Nhà lớp học bộ môn trường tiểu học Tân Phong	1	5.500		5.272	5.249	5.272			23	23	Nguồn vốn XDCB
2	Mở rộng khuôn viên xây dựng nhà hiệu bộ trường Mầm non Hoa Ban	1	5.984		5.872	5.845	5.872			27	27	Nguồn vốn thu sử dụng đất, XD CBTT
3	San gạt mặt bằng tạo quỹ đất phía tây nam thị xã Lai Châu (chi phí bồi thường GPMB)	1	9.710		9.729	9.729	9.522	207		0,17	-207	Nguồn vốn trung ương cân đối thời kỳ ổn định
4	BT Khu dân cư số 1 giai đoạn II thị xã Lai Châu	1	3.106		3.115	3.115	3.094			-	-21	Nguồn vốn đầu tư tỉnh huyện mới chia tách